TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 106/2026/HNGĐ-ST. Ngày 13 – 02 – 2026. V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Nhân.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Chí Khánh. Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2025/TLST – HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST - HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp M, xã U, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Sử Hữu H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp M, xã U, tỉnh An Giang. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam K, Cục C, Bộ C1 thuộc ấp T, xã H, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Sử Hữu H chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn hợp nhau nên vợ chồng sống ly thân. Thời gian sống ly thân vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn lại, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 9/2022 thì anh Sử Hữu H đi chấp hành án đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị quyết định ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Sử Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 19/7/2015 và Sử Hữu L (giới tính nam), sinh ngày 25/12/2019, hiện đang sống chung mẹ.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Sử Hữu H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai khai lập ngày 10/12/2025 tại Trại giam K, Cục C, Bộ C1, bị đơn anh Sử Hữu H trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị Nguyễn Thị T đã trình bày là đúng. Thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sau đó anh đi chấp hành án nên vợ chồng không còn chung sống và liên lạc với nhau. Nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Về con chung anh đồng ý giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng, không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh Sử Hữu H vắng mặt, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ tại phiên tòa phát biểu: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ lúc thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc ly hôn. Về con chung đề nghị giao cho chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng, anh Sử Hữu H không cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Sử Hữu H chung sống với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Toà án cũng tạo điều kiện hoà giải nhưng cả hai bên đều yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không hoà giải được, hiện nay chị Nguyễn Thị T và anh Sử

Hữu H đều đồng ý ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Sử Hữu H.

[2] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Sử Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 19/7/2015 và Sử Hữu L (giới tính nam), sinh ngày 25/12/2019, hiện đang sống chung với mẹ, chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh Sử Hữu H cũng đồng ý theo yêu cầu nuôi con của chị Nguyễn Thị T. Xét thấy con chung tên Sử Tường V hiện nay chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến thì cháu Sử Tường V cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Đối với cháu Sử Hữu L hiện nay chưa đủ 07 tuổi, nhưng đã theo sống với mẹ là chị Nguyễn Thị T từ khi cha mẹ ly thân đến nay, quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T và anh Sử Hữu H cũng thống nhất để con chung tên Sử Hữu L sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị T khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao hai con chung tên Sử Tường V và Sử Hữu L cho chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng. Anh Sử Hữu H chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T chưa có yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị T và anh Sử Hữu H đều khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu.

[5] Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn, anh Sử Hữu H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Sử Hữu H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Sử Tường V (giới tính nữ), sinh ngày 19/7/2015 và Sử Hữu L (giới tính nam), sinh ngày 25/12/2019. Anh Sử Hữu H chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T chưa có yêu cầu. Anh Sử Hữu H có quyền và

nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0009700 ngày 14/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Cần Thơ thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Cần Thơ;
- UBND xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Phan Như Nguyện